

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 281/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện  
Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị  
về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị  
về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số  
1560/TTr-BGDDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025;*

*Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các thành viên Chính phủ.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục: TCCV, PL, NC, KTTH, QHĐP, KSTT;
- Lưu: VT, KGVX (2)<sup>DNam</sup><sub>66</sub>

**TM. CHÍNH PHỦ**

**KT. THỦ TƯỚNG**

**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Lê Thành Long**





**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**  
**thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025**  
**của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

**I. MỤC TIÊU**

1. Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW).

2. Thống nhất chương trình hành động, xác định nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành, cơ quan và địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á; nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm tri thức, đổi mới sáng tạo của quốc gia để đến năm 2035 hệ thống giáo dục và đào tạo tiếp tục được hiện đại hóa, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng; đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới.

**II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 71-NQ/TW đề ra, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ sau đây:

**1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo**

a) Các bộ, ngành, cơ quan và địa phương:

- Tham gia cùng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tổ chức Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.



- Nâng cao nhận thức, xác định quyết tâm chính trị, đặt phát triển giáo dục và đào tạo trong tư duy quản trị quốc gia, quản trị xã hội gắn với định hướng, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đưa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo thành một trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển của bộ, ngành, cơ quan, địa phương và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện.

- Lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục và đào tạo về đổi mới tư duy quản trị và phương thức hành động, chuyển từ quản lý hành chính và tiền kiểm sang quản lý, quản trị dựa trên chuẩn mực, minh chứng, kết quả đầu ra, văn hóa chất lượng. Tập trung xây dựng bền vững hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ tại các cơ sở giáo dục và cải tiến liên tục về chất lượng.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

- Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về Nghị quyết số 71-NQ/TW theo hướng đa dạng hóa hình thức, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quy định và hướng dẫn thực hiện chủ trương không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thoả thuận quốc tế); thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục.

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, thể hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

## **2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo**

a) Các bộ, cơ quan và địa phương:

- Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, đồng bộ; tham mưu ban hành các chính sách đặc thù, vượt trội, ưu tiên bố trí ngân sách triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đột phá, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định chức năng, nhiệm vụ theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu, gắn quyền hạn với trách nhiệm, quy định rõ cơ chế phân cấp, ủy quyền.

- Tăng cường vai trò chủ trì của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.



- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng và việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đề ưu tiên dành quỹ đất sạch, tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục và đào tạo bảo đảm đủ diện tích theo các tiêu chuẩn quy định; các địa phương ưu tiên bố trí trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục, đào tạo.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

- Xây dựng, hoàn thiện các dự án Luật: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) và các văn bản quy định chi tiết. Khẩn trương xây dựng Nghị quyết của Quốc hội ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 và Nghị quyết của Quốc hội về những cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Xây dựng các văn bản quy định các chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và các chính sách tiền lương, phụ cấp, chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho nhà giáo.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở và phổ cập giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; điều kiện về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; chính sách khuyến khích xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; hợp tác và đầu tư với nước ngoài trong giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng quy định về chính sách cho học sinh các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới; hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục theo từng giai đoạn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tự chủ của các cơ sở đào tạo, trong đó bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính; cơ chế tự chủ đặc thù cho một số cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia; quy định về giảng viên đồng cơ hữu cho những người giỏi đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập; quy định về cơ chế hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tham mưu thành lập và ban hành quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ học bổng quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả các quỹ khuyến tài, khuyến học khác để khuyến khích học tập và phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thỉnh giảng trong cơ sở giáo dục; xây dựng quy định về cơ chế hợp đồng, thỉnh giảng phù hợp để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục.



- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư và các chức danh giảng viên phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam; việc tuyển dụng, thuê giảng viên và bổ nhiệm các vị trí quản lý chuyên môn đối với người giỏi từ nước ngoài; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra; xây dựng và triển khai Đề án đào tạo tài năng, ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định nâng chuẩn cơ sở giáo dục ở tất cả cấp học, quy định diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn để từng bước tiệm cận khu vực, quốc tế.

- Hoàn thiện quy định về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, bảo đảm liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng quy định thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định mở rộng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học và các cơ sở giáo dục, đào tạo, trong đó ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ.

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bổ sung các quy định không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước; không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; quy định chuyển đổi linh hoạt mục đất sử dụng đất sang đất giáo dục; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thực.

- Tham mưu, trình các cấp có thẩm quyền phân bổ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Rà soát, điều chỉnh pháp luật có liên quan, bảo đảm cắt giảm thủ tục hành chính về lập dự toán, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước và bổ sung quy định ngân sách nhà nước phân bổ cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất; ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng, ban hành các quy định để hình thành, quản lý và sử dụng quỹ tài trợ cho các cơ sở giáo dục huy động vốn cộng đồng.

d) Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành về quản lý viên chức, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Nhà giáo.



- Sửa đổi, bổ sung các quy định để giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng quy định về mở rộng các sản phẩm tín dụng, tín dụng ưu đãi cho giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp; ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo.

### **3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới**

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về giáo dục đạo đức, nhân cách người học để hình thành hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam.

- Xây dựng, triển khai các quy định về vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách người học; có cơ chế để học sinh, sinh viên được học tập, trải nghiệm với các hoạt động giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm thông qua sự tham gia của chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường trong các nhà trường; xây dựng và triển khai hiệu quả các mô hình giáo dục đạo đức, lối sống, các thiết chế, mô hình văn hóa học đường.

- Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác bảo đảm an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng, triển khai các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục; đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục thể chất góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục trí thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Bộ Công an xây dựng các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt ma túy học đường.

### **4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo**

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Xây dựng Chiến lược dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành Giáo dục; phát triển nền tảng giáo dục quốc gia thông minh ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát.



- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành ngành Giáo dục và quy định về quản lý dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng, triển khai các ứng dụng và công cụ giáo dục số thông minh như sách giáo khoa thông minh, giáo trình thông minh, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà, phòng thí nghiệm và thực hành ảo, hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến hiện đại hướng tới lớp học thông minh, trường học thông minh.

- Xây dựng và triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu văn bằng số cho giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Xây dựng và triển khai chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách để khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo người học, giáo viên và cán bộ quản lý về năng lực số, trí tuệ nhân tạo.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm 100% dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Bộ Tài chính tham mưu bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước.

c) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm tích hợp với thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia nhằm đánh giá, dự báo cung - cầu nhân lực, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

## **5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông**

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Xây dựng Chương trình giáo dục mầm non mới, tăng cường phương pháp giáo dục thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất, kỹ năng phát triển toàn diện cho trẻ em mầm non.

- Rà soát, hoàn thiện Chương trình giáo dục phổ thông, tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật; bảo đảm cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc sử dụng từ năm học 2026 - 2027; thực hiện lộ trình đến năm 2030 cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức và hoạt động của mô hình trường chuyên, trường năng khiếu để tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia, mở rộng các



lớp chuyên khối STEM/STEAM. Xây dựng Chương trình phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài mang tính chiến lược lâu dài cho đất nước.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả việc tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng và giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường mầm non, phổ thông theo hướng đồng bộ, an toàn, thân thiện, hiện đại.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù để thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Mở rộng các chương trình, đề án đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên, tăng chế độ hỗ trợ cho giáo viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước.

b) Bộ Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí đủ biên chế giáo viên, nhân viên trường học theo định mức quy định, phù hợp từng năm học, đặc biệt là đối với các cấp học mầm non, phổ thông.

c) Bộ Tài chính tham mưu bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học; các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, người học và thực hiện cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh theo lộ trình.

d) Bộ Xây dựng rà soát, kiểm tra việc quy hoạch xây dựng và bảo đảm quỹ đất để xây dựng trường, lớp, nhà công vụ cho giáo viên; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện thiết kế tổng thể và các phương án thiết kế mẫu về trường liên cấp ở các xã biên giới để các địa phương thực hiện, phù hợp với điều kiện từng vùng miền, địa phương.

đ) Các địa phương:

- Bảo đảm đầy đủ nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo tại địa phương; chăm lo giáo dục trẻ em ngay từ giai đoạn đầu đời, chuẩn bị đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo.

- Bố trí đủ biên chế và tuyển dụng đủ số lượng giáo viên, nhân viên trường học theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất; ưu tiên bố trí trụ sở cơ quan dôi dư sắp xếp cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tổ chức xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác.



- Thực hiện quy hoạch, đầu tư, phát triển hệ thống trường chuyên biệt, nhất là trường nội trú, bán trú và cơ sở giáo dục cho học sinh khuyết tật, bảo đảm mỗi địa phương có ít nhất một cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông.

## **6. Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao**

a) Các bộ, cơ quan và địa phương:

- Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, tăng về quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phân cấp mạnh quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính quyền địa phương.

- Dự báo nhu cầu nhân lực và ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế và tập trung thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng quy định và triển khai cấp trung học nghề dành cho người đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công nhận năng lực nghề nghiệp đã tích lũy của người học.

- Xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề; cơ chế đặt hàng giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thành lập quỹ đào tạo nhân lực, thúc đẩy đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo, ứng dụng công nghệ, quản trị chất lượng, bảo đảm hiệu quả, thực chất theo các tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp.

c) Bộ Nội vụ hoàn thiện hệ thống dữ liệu thông tin thị trường lao động quốc gia và hướng dẫn tổ chức sản giao dịch việc làm thường xuyên.

d) Bộ tài chính chủ trì chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về giá trong giáo dục nghề nghiệp, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (không phân biệt



hình thức sở hữu) để thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật và công nghệ, các ngành nghề phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia.

**7. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo**

a) Các bộ, cơ quan, địa phương:

- Rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch đề ưu tiên dành quỹ đất sạch, tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án mở rộng không gian phát triển cơ sở giáo dục đại học.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các khu đô thị công nghệ cao - đại học, ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới, trở thành đầu tàu, nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Xây dựng và triển khai khung chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến 2045

- Xây dựng và triển khai đề án sắp xếp, tái cấu trúc hệ thống cơ sở giáo dục đại học, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục đại học không đạt chuẩn; Đề án nghiên cứu sáp nhập các viện nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học; quy định cơ cấu tổ chức cơ sở giáo dục đại học để xóa bỏ cấp trung gian, bảo đảm quản trị tinh gọn, thống nhất, hiệu quả. Tập trung thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2050, thể hiện đúng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách để tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu chuyên một số trường đại học về địa phương quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý và đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo nhân lực của địa phương.

- Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 bảo đảm hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học hoạt động hiệu quả; tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm đào tạo, nghiên cứu xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở đào tạo giáo viên.

- Xây dựng Đề án triển khai cơ chế, chính sách đầu tư mạnh và có các cơ chế đặc thù, vượt trội để phát triển 3 đến 5 đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới, đào tạo nhân tài quốc gia.

- Sửa đổi, bổ sung quy định hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; trong đó, quy định rõ việc khuyến khích người giỏi chủ trì các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, bảo



đảm ưu tiên bố trí kinh phí nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản gắn với đào tạo sau đại học. Sửa đổi, bổ sung quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ người đi đào tạo trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học, trong đó, tăng chế độ hỗ trợ cho giảng viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Thực hiện có hiệu quả các đề án đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo tài năng, nhất là nguồn nhân lực các lĩnh vực trọng điểm, nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số.

- Xây dựng đề án triển khai cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành giáo dục đào tạo.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học thực hiện đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; tích hợp nội dung về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, tinh thần doanh nhân và khởi nghiệp. Có các cơ chế, chính sách đặc biệt để hỗ trợ mở rộng triển khai các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo sau đại học gắn kết với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, phục vụ phát triển các công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0, các dự án trọng điểm quốc gia. Gắn kết các hoạt động đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học.

- Xây dựng và triển khai Đề án đổi mới tuyển sinh đại học theo hướng đánh giá đúng năng lực người học, bảo đảm kiểm soát thống nhất chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để tăng cường quản lý chất lượng gắn với chính sách phù hợp để hỗ trợ đào tạo tiến sĩ, đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm; xây dựng ban hành chuẩn chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ khối ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật, các ngành trọng điểm; xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương:

- Chủ trì xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính cho giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi để hỗ trợ triển khai hiệu quả hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.



d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, cập nhật Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược.

đ) Bộ Nội vụ chủ trì rà soát, ban hành các quy định quản lý việc học tiến sĩ đối với cán bộ, công chức.

## **8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo**

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan:

- Mở rộng, đa dạng hoá và làm sâu sắc hơn các cơ chế hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thúc đẩy đàm phán, ký kết các thoả thuận, hiệp định về hợp tác giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng, phát triển giáo dục quốc tế.

- Hoàn thiện các quy định về học bổng và chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm, tận dụng các chương trình hợp tác song phương.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục Việt Nam.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ hiệu quả các cơ sở giáo dục đại học hợp tác, liên kết với các đại học có uy tín, doanh nghiệp lớn ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực trọng điểm, công nghệ mới nổi; khuyến khích hợp tác, liên kết đào tạo theo mô hình giáo dục số, xuyên biên giới.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy hợp tác, liên kết thành lập đơn vị đào tạo, viện nghiên cứu chung với cơ sở giáo dục Việt Nam.

- Tăng cường quản lý chất lượng, thúc đẩy giáo dục ngôn ngữ, lịch sử, văn hoá, địa lý và con người Việt Nam trong các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong hệ thống giáo dục quốc dân phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục Việt Nam thành lập phân hiệu, mở văn phòng đại diện hoặc triển khai chương trình giáo dục ở nước ngoài; đẩy mạnh hợp tác, mở rộng giảng dạy tiếng Việt, lan toả các giá trị văn hoá, truyền thống Việt Nam tại nước ngoài, nhất là trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu người Việt Nam ở nước ngoài đang hoạt động trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ để phục vụ công tác hoạch định chính sách nhân lực chất lượng cao.

c) Bộ Công an hoàn thiện quy định về bảo đảm an ninh văn hóa trong các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài.



### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 71-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 10 năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện liên quan đến giáo dục và đào tạo để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động của Chính phủ và Phụ lục kèm theo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện báo cáo theo quy định.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 71-NQ/TW.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.





**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**  
*(Kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ*  
*tại Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

| TT       | Chỉ tiêu                                                                                                   | Đơn vị               | Kết quả                 | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Đến năm 2030</b>                                                                                        |                      |                         |                                    |
| 1        | Trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia                                                                        | %                    | $\geq 80$               | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 2        | Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi                                             | %                    | 100%<br>tỉnh/thành phố  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 3        | Hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở                                                           | %                    | 100%<br>tỉnh/thành phố  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 4        | Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương cả nước                        | %                    | $\geq 85$               | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 5        | Năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chỉ số năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông                          | Trình độ<br>năng lực | Đạt kết quả<br>bước đầu | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 6        | Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI)                                             | Chỉ số               | $> 0,8$                 | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 7        | Chỉ số bất bình đẳng giáo dục                                                                              | %                    | $< 10$                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 8        | Cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia                                                                  | %                    | 100                     | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 9        | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia                                                              | %                    | $\geq 80$               | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 10       | Cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á | %                    | 20                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 11       | Tỉ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông                                    | %                    | 50                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 16       | Tỉ lệ người lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên                                      | %                    | 24                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |



| TT                     | Chỉ tiêu                                                                                                                       | Đơn vị  | Kết quả                                                    | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 17                     | Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ trong quy mô giáo dục đại học, trong đó:                      | %       | $\geq 35$                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 17.1                   | Nghiên cứu sinh các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ                                                               | Người   | $\geq 6.000$                                               |                                    |
| 17.2                   | Người học các chương trình tài năng                                                                                            | Người   | $\geq 20.000$                                              |                                    |
| 18                     | Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)                                         | Thứ bậc | Ngang bằng các nước có thu nhập trung bình cao             | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 19                     | Số giảng viên giỏi tuyển dụng từ nước ngoài                                                                                    | Người   | $\geq 2.000$                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 20                     | Số công bố khoa học quốc tế, nguồn thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tăng bình quân hằng năm                        | %       | 12                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 21                     | Số đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân hằng năm                                                          | %/năm   | 16                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 22                     | Số cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín   | Cơ sở   | $\geq 08$                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 23                     | Số cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín | Cơ sở   | $\geq 01$                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| <b>II Đến năm 2035</b> |                                                                                                                                |         |                                                            |                                    |
| 1                      | Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi                                   | %       | 100% tỉnh, thành phố                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 2                      | Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương                                                                          | %       | 100% tỉnh, thành phố                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 3                      | Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI)                                                                 | Chỉ số  | $> 0,85$                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 4                      | Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)                                         | Thứ bậc | Trên mức bình quân của các nước có thu nhập trung bình cao | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |



| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                                       | Đơn vị  | Kết quả       | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|------------------------------------|
| 5          | Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín    | Cơ sở   | $\geq 02$     | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| <b>III</b> | <b>Đến năm 2045</b>                                                                                                            |         |               |                                    |
| 1          | Xếp hạng về hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng trên thế giới                                         | Thứ bậc | Trong nhóm 20 | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |
| 2          | Số cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín | Cơ sở   | $\geq 05$     | Bộ Giáo dục và Đào tạo             |



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**  
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71 NGÀY 22 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ**  
**ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
*(Kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ*  
*tại Nghị quyết số 284/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

| TT        | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì             | Cơ quan phối hợp                                                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để phát triển giáo dục và đào tạo</b>                                                          |                             |                                                                         |                                    |                      |
| 1         | Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 71-NQ/TW theo hướng đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền | Bộ Giáo dục và Đào tạo      | Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 2         | Xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW                                                        | Các bộ, cơ quan, địa phương |                                                                         | Kế hoạch                           | Năm 2025             |
| <b>II</b> | <b>Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo</b>                                                                            |                             |                                                                         |                                    |                      |
| 1         | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục                                                                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo      | Các bộ, cơ quan liên quan, địa phương, cơ sở giáo dục                   | Luật của Quốc hội                  | Năm 2025             |
| 2         | Xây dựng dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo      | Các bộ, cơ quan liên quan, địa phương, cơ sở giáo dục                   | Luật của Quốc hội                  | Năm 2025             |
| 3         | Xây dựng dự án Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi)                                                                                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo      | Các bộ, cơ quan liên quan, địa phương, cơ sở giáo dục                   | Luật của Quốc hội                  | Năm 2025             |



| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                                      | Kết quả                                                     | Thời gian hoàn thành |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|
| 4  | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Nội vụ              | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương               | Luật của Quốc hội                                           | Năm 2026             |
| 5  | Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035                                                                                                                                                                                           | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương               | Nghị quyết của Quốc hội                                     | Năm 2025             |
| 6  | Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về những cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương               | Nghị quyết của Quốc hội                                     | Năm 2025             |
| 7  | Xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật Nhà giáo, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi)                                                                                                                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan, địa phương, cơ sở giáo dục | Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025, 2026       |
| 8  | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới                                                                                                                                                                                           | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương               | Nghị định của Chính phủ                                     | Năm 2026             |
| 9  | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục                                                                                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan                             | Nghị định của Chính phủ                                     | Năm 2026             |
| 10 | Xây dựng Nghị định quy định chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; lộ trình triển khai nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan                             | Nghị định của Chính phủ                                     | Năm 2026             |
| 11 | Xây dựng Nghị định quy định về chế độ phụ cấp đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan                             | Nghị định của Chính phủ                                     | Năm 2026             |



| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì                           | Cơ quan phối hợp                                    | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 12 | Xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung Luật Viên chức                                                                                                                                  | Bộ Nội vụ                                 | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương             | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2027             |
| 13 | Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan liên quan và địa phương  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 14 | Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan liên quan và địa phương  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2027             |
| 15 | Xây dựng Nghị định quy định về tự chủ của các cơ sở giáo dục                                                                                                                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan           | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 16 | Xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tài chính, đầu tư cho giáo dục và đào tạo                                                                                                                    | Bộ Tài chính                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan liên quan | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 17 | Xây dựng Nghị định về chính sách cho học sinh các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Bộ Tài chính                                        | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 18 | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Các bộ, cơ quan liên quan                           | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 19 | Xây dựng quy định về đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với đào tạo các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo                    | Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan liên quan             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 20 | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học và cơ sở giáo dục, đào tạo                                                          | Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan       | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |



| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 21 | Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, trong đó bổ sung quy định về cơ chế hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” | Bộ Giáo dục và Đào tạo       | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ  | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2025             |
| 22 | Xây dựng Nghị định quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm       | Bộ Giáo dục và Đào tạo       | Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ                 | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 23 | Xây dựng Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ học bổng quốc gia                                                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo       | Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ                 | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 24 | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai                                                                                                                                                                                               | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Các bộ, ngành và cơ quan liên quan      | Luật của Quốc hội                  | Năm 2026             |
| 25 | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                                                                                                                                                                      | Bộ Tài chính                 | Các bộ, ngành và cơ quan liên quan      | Luật của Quốc hội                  | Năm 2026             |
| 26 | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thu nhập doanh nghiệp                                                                                                                                                                                 | Bộ Tài chính                 | Các bộ, ngành và cơ quan liên quan      | Luật của Quốc hội                  | Năm 2026             |
| 27 | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật quản lý, sử dụng tài sản công                                                                                                                                                                         | Bộ Tài chính                 | Các bộ, ngành và cơ quan liên quan      | Luật của Quốc hội                  | Năm 2026             |
| 28 | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu                                                                                                                                                                                              | Bộ Tài chính                 | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Luật của Quốc hội                  | Năm 2026             |
| 29 | Xây dựng Nghị định quy định về cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục                                                                                                                                         | Bộ Tài chính                 | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| 30 | Xây dựng quy định về mở rộng các sản phẩm tín dụng, ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo                                                                                                                           | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  | Bộ Tài chính                            | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |



| TT         | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                                                    | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 31         | Xây dựng Đề án xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác                                                                                                                                | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương                             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 32         | Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2028 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2027             |
| 33         | Xây dựng Nghị định về hợp tác và đầu tư nước ngoài trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                             | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan                                           | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2026             |
| <b>III</b> | <b>Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới</b>                                                                                                               |                        |                                                                     |                                    |                      |
| 1          | Xây dựng các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục                                                                                                             | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Y tế                                                             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| <b>IV</b>  | <b>Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo</b>                                                                                                        |                        |                                                                     |                                    |                      |
| 1          | Xây dựng Nghị định quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo                                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2025             |
| 2          | Xây dựng Đề án tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp, thi đánh giá diện rộng trên máy tính                                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương                             | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 3          | Xây dựng cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn quốc theo mã định danh cá nhân                                                                                                                | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương                             | Hệ thống cơ sở dữ liệu             | Năm 2025             |



| TT       | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 4        | Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Hệ thống thông tin                 | Năm 2026             |
| 5        | Xây dựng Đề án khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo.                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2026                 |
| <b>V</b> | <b>Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông</b>                                                                                         |                        |                                         |                                    |                      |
| 1        | Xây dựng Nghị định quy định cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thúc đẩy phát triển giáo dục ở vùng khó khăn, bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi được đến trường và học tập đến hết trung học phổ thông và tương đương. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2028             |
| 2        | Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh                                                                                                                     | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng               | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 3        | Xây dựng Đề án xây dựng các trường nội trú, bán trú cho học sinh phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035                                                            | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 4        | Xây dựng Đề án tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026 - 2030 định hướng đến 2035                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |



| TT        | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 5         | Xây dựng Đề án từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học                                                                                                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 6         | Xây dựng Đề án dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng                                                                                                                                                                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 7         | Xây dựng Đề án phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trẻ Việt Nam                                                                                                                                                                | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2027             |
| <b>VI</b> | <b>Cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao</b>                                                                                                              |                        |                                         |                                    |                      |
| 1         | Xây dựng Đề án phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao gồm các trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng của trung tâm vùng, trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 2         | Xây dựng Đề án triển khai, đánh giá và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai, bảo đảm phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 3         | Xây dựng chính sách ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia                                                | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2027             |
| 4         | Xây dựng Chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp                                                                                                             | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2027             |



| TT         | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 5          | Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước; chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề                                                                                     | Bộ Tài chính           | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| <b>VII</b> | <b>Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo</b>                                                                                                                                                              |                        |                                         |                                    |                      |
| 1          | Xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở giáo dục đại học                                                                                                                                                                                                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 2          | Xây dựng Đề án rà soát, sắp xếp hệ thống các viện nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục đại học trong các viện nghiên cứu, cơ chế đồng biên chế giữa viện nghiên cứu với cơ sở giáo dục đại học                                                                                     | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 3          | Xây dựng Đề án chuyển một số cơ sở giáo dục đại học về địa phương quản lý                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 4          | Xây dựng Đề án phát triển 3 đến 5 đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài quốc gia                                                                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2027             |
| 5          | Xây dựng Đề án phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh; xây dựng trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, trung tâm nghiên cứu xuất sắc, trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở đào tạo giáo viên | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |



| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                             | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 6  | Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp                                                                               | Bộ Tài chính             | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương                                      | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 7  | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Bộ Nội vụ                                                                    | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 8  | Xây dựng Chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với các ưu đãi vượt trội                                                                                                                                                                              | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao                                                     | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 9  | Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 124/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ người đi đào tạo trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử                                                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan          | Nghị định của Chính phủ            | Năm 2025             |
| 10 | Xây dựng Đề án triển khai cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành giáo dục đào tạo; thu hút các chuyên gia nước ngoài vào làm việc tại cơ sở giáo dục đại học.                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo   | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 11 | Rà soát, cập nhật Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược                                                                                                                                                                                      | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương                                      | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Thường xuyên         |



| TT          | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 12          | Xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá trong đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số lĩnh vực trọng yếu                                           | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Nghị quyết của Chính phủ           | Năm 2025             |
| 13          | Xây dựng Đề án chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 14          | Xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 15          | Xây dựng Đề án đổi mới tuyển sinh đại học theo hướng đánh giá đúng năng lực người học, bảo đảm kiểm soát thống nhất chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 16          | Sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định để tăng cường quản lý chất lượng gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đào tạo tiến sĩ, đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm     | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 17          | Sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định quản lý việc học tiến sĩ đối với cán bộ, công chức                                                                                                                     | Bộ Nội vụ              | Các bộ, cơ quan liên quan               | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 18          | Xây dựng Đề án thúc đẩy hiệu quả mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp                                                                           | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| <b>VIII</b> | <b>Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo</b>                                                                                                                                 |                        |                                         |                                    |                      |



| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                        | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 1  | Xây dựng và triển khai Đề án cấp học bổng toàn phần gửi các nhà khoa học trẻ, sinh viên xuất sắc đi đào tạo tại các trường đại học hàng đầu thế giới về các công nghệ chiến lược      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 2  | Xây dựng Đề án “Đưa công dân Việt Nam đi học tại Liên bang Nga, Trung Quốc, các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Xô cũ giai đoạn 2026 - 2035”                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2025             |
| 3  | Xây dựng Đề án đẩy mạnh hợp tác, mở rộng giảng dạy tiếng Việt, lan tỏa các giá trị văn hóa, truyền thống Việt Nam tại nước ngoài, nhất là trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài | Bộ Ngoại giao          | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 4  | Xây dựng quy định về bảo đảm an ninh văn hóa trong các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài                                                                                            | Bộ Công an             | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |
| 5  | Xây dựng Đề án phát triển mạng lưới đại diện giáo dục và đào tạo ở các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài                                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Năm 2026             |